TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/DS-ST
Ngày: 25-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Hồng Thu

2. Ông Hoàng Thế Hiên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-DS ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, đường N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phùng T – Nhân viên Ngân hàng T - Chi nhánh Lạng Sơn. Địa chỉ: Số 01, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. (Theo giấy ủy quyền số 066/2017/UQ-TT ngày 10/4/2017). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đồng H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 10, đường T, khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2017 của nguyên đơn Ngân hàng T và

những lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền bà Phùng T trình bày:

Ngày 30/11/2010, Bà Đổng H và Ngân hàng T ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của bà Đổng H, Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 75.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Đổng H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 238.147.912 đồng. Sau đó bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/10/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà H và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Đổng H còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 77.230.033 đồng
- Lãi quá hạn: 49.792.578 đồng

Tổng cộng: 127.022.611 đồng

Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Đổng H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2017) số tiền nợ gốc: 77.230.033 đồng, lãi quá hạn 49.792.578 đồng, tổng cộng 127.022.611 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Bị đơn bà Đổng H đã đi khỏi nơi cư trú, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà H, nhưng bà H không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ, hợp pháp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn quy định. Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú trước khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí buộc bà Đổng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng T (viết tắt là Ngân hàng) là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301103908 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư thành phố H cấp. Ngày 30/11/2010 giữa Ngân hàng và bà Đồng H ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 75.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Do bà Đồng H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đồng H phải thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn và lãi phát sinh theo hợp đồng. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đồng H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nơi cư trú hiện nay của bà H. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung*. Xét thấy bà Đồng H thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Đồng H.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa Ngân hàng và bà Đồng H phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng từ năm 2010, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10/4/2017 Ngân hàng làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 30/11/2010 giữa Ngân hàng T và bà Đồng H ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trên cơ sở mức thu nhập của bà Đồng H, Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức

sử dụng là 75.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Đồng H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 238.147.912 đồng. Sau đó bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, ngày 23/10/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn, quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2017) bà Đồng H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 77.230.033 đồng, tiền lãi quá hạn là 49.792.578 đồng, tổng cộng là 127.022.611 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu bà Đồng H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 127.022.611 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Đồng H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể bà Đồng H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 127.022.611 đồng x 5% = 6.351.000 đồng (làm tròn số).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 5 Điều 177; Điều 179; điểm e, khoản 1 Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Đồng H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 77.230.033 đồng, tiền lãi quá hạn là 49.792.578 đồng, tổng cộng là 127.022.611 đồng *(một trăm hai mươi bảy triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm mười một đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2017) bà Đồng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Đổng H phải chịu 6.351.000 đồng *(sáu triệu ba trăm năm mốt nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng T 2.652.000 đồng *(hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/03253 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hàng án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hoàng Văn Duy